

Số: 19/2022/QĐST-DS

B, ngày 26 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông **Phan Văn T**, sinh năm: 1947 và bà **Phan Thị P**, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bị đơn:** Vợ chồng ông **Trần Anh T**, sinh năm: 1954 và bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1959. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Vợ chồng ông Trần Anh T, bà Huỳnh Thị T đồng ý trả lại cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Phan Thị P diện tích 128m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất (cây trồng) thuộc một phần thửa đất số 569, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 284195 do UBND huyện B cấp ngày 03/5/2013. (Kèm theo bản Đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 17/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

2.2- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Trần Anh T, bà Huỳnh Thị T phải trả lại cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Phan Thị P số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2.3- Về án phí: Vợ chồng ông Trần Anh T, bà Huỳnh Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường